

ĐÁ NÁT VÀNG PHAI

Kim Thanh

Lời giới thiệu: Trong những ký ức về 30 tháng 4, chuyện đi tù “cải tạo” vẫn là một ám ảnh nặng nề nhất. Tiến sĩ Văn Chương Pháp mà viết văn chương tiếng Việt thật tuyệt vời. Đọc KT, hồi ức về các trại tù Hoàng Liên Sơn, Vĩnh Phú với nỗi nhục nhằn của các tù binh vẫn như trước mắt, vẫn làm rơi nước mắt.

Nữ tu Marie-Amélie khuyên: Tha Thứ, tha thứ, tha thứ? Chỉ là thử thách? Cho đến bây giờ, dưới ách CS VN càng ngày càng tồi tệ, khủng khiếp hơn, thì hận thù này càng phải nhớ chứ không thể nào quên.

Nghe tin Nhóm đồng hương tại Virginia đề nghị, và được chính quyền tiểu bang chấp thuận, cho đổi “Ngày Quốc Hận” thành “Ngày Việt Nam”, tôi giận quá, và thay vì chữ thề (sẽ làm sau), tôi xin gửi trước cho quý bằng hữu đọc một bài viết đã cũ về mối hận thù thiên thu đối với Việt cộng. --NLGO.

oOo

Thẹn mình đá nát vàng phai (Kiều)

Giữa năm 1976, từ trại Long Giao, Nguyễn bị đưa ra Bắc, cùng với các thành phần “ác ôn, có nợ máu” gồm An Ninh, Tình Báo, Chiến Tranh Chính Trị, Bộ Binh, Cảnh Sát, Tuyên Úy –toàn thứ dữ dần dưới mắt Việt cộng. Gần ba ngàn người bị xếp như cá hộp dưới hai khoang hầm tàu chở than, nguyên là của Việt Nam Thương Tín được cải danh Sông Hương. Ai ở đâu là chết dí chỗ đấy, tiểu tiện phải bước qua những thân người nằm rũ liệt, nghe chữ thề inh ỏi khi lỡ đạp lên bụng một ông khó tính, mới đến được cái thùng gỗ nhỏ đặt ở cầu thang. Nước uống và lương khô được thông dây xuống, y như cảnh trong một phim buôn bán nô lệ đã xem đâu rồi. Hai ngày sau cập bến Hải Phòng. Xe lửa và molotova bít bùng dàn chào sẵn để rước về các vùng biên giới, như Yên Bái, Lao Kay... Bọn bè lặc nhau từ đây. Nguyễn đi Hoàng Liên Sơn. Cửa toa đóng kín, khiến hai ông trung tá chết ngộp, xác vút bên đường. Ngồi xe hơi thì bị trẻ con ném đá, và những bà già Bắc kỳ tóc váy chữ rửa tục tằn, với sự đồng lõa của bọn cán bộ.

Hoàng Liên Sơn với rặng Fansipan trùng điệp. Những ngày vào rừng, lên núi đốn tre, chặt gỗ, giơ tay vốc từng nắm sương la đà dày đục, ném thử thấy tê buốt –như môi hôn phút chia lìa vội vã. Những đêm lạnh cóng phải đứng ngủ cho bớt run rẩy trong chiếc chăn đơn cũ mục. Trên đường lao động, Nguyễn gặp lại bằng hữu thất tán từ các chiến

trường xưa, không hèn mà bị “gom bi” đầy đủ. Nhìn nhau cười như mếu, thắm thía lời huênh hoang của một tên cán bộ: “Các anh có mà chạy đằng giời!” Thịnh thoảng lên núi Nguyễn và đồng tổ đội gặp một nhóm Biệt Kích, bị bắt từ thời Tổng thống Ngô Đình Diệm, đang lao động tự giác, không có vệ binh canh giữ. Họ nhìn đám tân tù binh, vẻ thương hại, lắc đầu thông cảm, nhưng cũng có anh không dằn được bực tức, lớn giọng: “ĐM, mấy cha làm ăn, đánh đấm thế nào mà bây giờ kéo nhau ra đây cả lũ?” “Cả lũ” im lặng, xấu hổ, nghe xót xa bởi lời trách móc không sai. Nói thế, nhưng khi thấy bọn Nguyễn lóng cọng không buộc chặt nổi bó nứa, họ ùa đến ân cần phụ giúp, hướng dẫn tận tình, hoặc chia cho sắn luộc và bánh in khô Trung cộng.

Sức khỏe suy sụp dần. Sau một lần khiêng gỗ té xỉu giữa đường, Nguyễn được chuyển vào đội Rau Xanh, gồm toàn bô lão –còn gọi là đội “sút cán gãy gọng.” Vì còn trẻ và tạm lành lặn, chàng bị nhường ngay chức trưởng tổ phân, ngày ngày phải hốt đủ mười chuyến phân bắc, tức phân người, “có chất lượng” giao cho tổ khác đem ủ thối dưới các luống khoai, hoặc chế biến thành nước tưới rau. Lúc đầu thấy hãi hùng, muốn nôn ọe, rồi ráng nhập thiền để mất đi cảm giác, ý niệm, nhìn nhưng chẳng biết đó là gì nữa. Hết phân bắc đến phân chuồng (trâu bò), cũng tởm không kém, rồi phân xanh (lá ngâm mục).

Mới đầu, đa số còn phát biểu linh tinh lắm. Hệ thống ăng ten chưa được thiết lập qui mô. Trong đội Rau Xanh có ông Đại úy Cảnh sát già gân Hoàng Bá Linh. Ông Linh là người Quảng Bình, hay Quảng Trị, trực tánh, ưa kể chuyện tiểu lâm và chuyện chế độ cũ, nói năng rất “phản động”, thuộc loại điếc không sợ súng. Trong một buổi học tập của đội, ông đã phát biểu, lên án “bọn CTCT nguy” như sau: “Bọn nguy tuyên truyền rất bố láo bố lếu về Bác Hồ vĩ đại, vô vàn kính yêu của ta, ví dụ họ nói nguyên văn như ri, tổ cha thằng già Hồ Chí Minh là tên giết người bán nước, làm tay sai cho thằng Xịt Ta Lin và thằng Mao Xénh Xáng... Họ xuyên tạc bộ đội anh hùng của ta nguyên văn như ri, là chúng nó ốm đói quá, bầy thằng Việt cộng đu một cọng đu đủ mà không gãy... Thật là mất dạy hết sức!”, v.v. Và cứ thế ông nói dai, nói dài, nói lớn “nguyên văn như ri, như ri”, với giọng nặng trĩu, nhừa nhựa thuốc lào. Tất cả sĩ quan cải tạo xanh mặt, cảm không được, ngồi im, lo lắng cho ông. Phải hơn hai phút sau thằng cán bộ quản giáo mới hiểu ra, lên tiếng cắt ngang, hầm hầm quát bảo ông im ngay. Nó ức lắm, nhưng lúc ấy vì quá bất ngờ chưa biết kết ông vào tội gì. Hôm sau, ông bị dẫn đi “làm việc” khá lâu, rồi bị biệt giam một tháng. Ra khỏi phòng biệt giam, ông tiếp tục mở máy, như cũ, cười hề hề: “Tui đâu ngán thằng mô”.

Sau tám tháng, cả trại bị “biên chế” đi Sơn La, ở chung với tù hình sự, loại “đầu gấu” chuyên giết người, hiếp dâm, trộm cướp. Một vùng đèo heo hút gió, nước độc rừng thiêng, gần Điện Biên Phủ, qua hết dãy núi cao là sang đất Lào. Quanh năm chỉ thấy mây trời lơ lửng và đám người Mán, người Mèo tiếng nói líu lo, mỗi lần xuống núi mặc áo quần sặc sỡ, đàn ông thổi kèn mở đường, đàn bà gồng gánh theo sau. Cùng trại có các linh mục, cảnh sát, sĩ quan đủ binh chủng, vài nhà văn quân đội như, Nguyễn chỉ còn nhớ, Thảo Trường, Văn Quang và Phan Lạc Phúc. Có nhị vị cựu và đương kim Đại tá Linh mục Tuyên úy Lê Trung Thịnh và Đinh Cao Thuấn. Nguyễn nằm kế bên Trung tá

Đặng Bình Minh, phi đoàn trưởng trực thăng của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, mùa đông được anh cho một áo jacket nhà binh rằn ri cũ. Cách Nguyễn hai người là Trung tá Vũ Hoài Đức, chỉ huy phó trường ĐH/CTCT, người hiền lành, đạo đức y như Đại tá Chỉ huy trưởng Nguyễn Quốc Quỳnh. Ở một đội khác có một cựu tùy viên của cố Tổng thống Ngô Đình Diệm, đeo kính trắng, tôi quên tên. Ai này thiếu ăn, xác xơ, bắt đầu thám đòan độc của Việt cộng: chủ trương cải tạo bao tử, nghĩa là bắt đói triền miên, để chế ngự ý chí, và cả tư cách nữa! Lao động vinh quang là trồng lúa, sắn, ngô, khoai trên những thửa đất hoang, khô cằn sỏi đá.

Hơn hai năm sau, Trung cộng uy hiếp biên giới, Việt cộng lo sợ, vội vàng chuyển tất cả về Vĩnh Phú mà chúng gọi là miền trung du, đất tổ Hùng Vương. Hùng Vương đâu chả biết, chỉ thấy toàn núi rừng thâm u và bộ mặt kinh niên hắc ám của các cai tù, và những thằng Ăng Ten, Trật Tự, Thi Đua ngu ngốc làm khổ đồng đội còn hơn chính kẻ thù. Trại rộng thênh thang chia làm bảy khu, gọi là K, cách nhau trung bình năm, sáu cây số, nằm tít phía sau thung lũng sông Hồng. Từ Sài Gòn ra Vĩnh Phú thăm chồng, các bà “vợ ngục” xem như chặng đường thánh giá mới, phải vượt rừng băng sông, đi đủ các loại xe, kê cả xe trâu và xe đạp ôm. K7 gần nhất, giam riêng các biệt kích. Ở giữa, một K dành cho các thiếu niên phạm pháp, đa số về tội ăn cắp – có đứa chỉ mới tám tuổi. Nguyễn ở K1, xa nhất, tuốt sâu trong núi.

Tại Vĩnh Phú, có anh bạn trường Đại Học CTCT Đà Lạt, Nguyễn Ngọc Nhung, Đại úy phòng Khảo Hạch, kiếm đâu ra được chức thủ kho dụng cụ lao động, cũng nhàn. Một hôm, Nhung kể, một tên công an về phách lối đến mượn cái xeng. Theo thủ tục phải ghi tên vào sổ. Thủ kho, người Bắc, lịch sự hỏi:

- Xin cán bộ cho biết quý danh.

Tên nọ không hiểu “quý danh”, há mồm, ngơ ngác, suy nghĩ một hồi, rồi đột nhiên sùng sộ:

- Anh vi phạm tội qui. Ai cho anh lối tiếng lược ngoài hử?

Nhung sùng sốt, á khẩu. May phước, nhờ các bạn tù xúm vào thông dịch giùm, anh mới thoát nạn, sau khi bị xỉ vả tận tình.

- Giờ lày mà còn ôm chân đế quốc, lối tiếng nóng...

Còn Nguyễn về đội Nông Nghiệp. Phải lội vào một thửa ruộng bỏ hoang từ bao đời để luân phiên kéo cày thay cho trâu bò. Nước bùn đen đặc quánh, đĩa bơi lộn ngổn, thò chân xuống thấy ghê rợn – làm chàng nhớ những đầm lầy cũng kinh khiếp dưới địa ngục mà thi hào Dante phải vượt qua với Virgile, trong La divina Commedia. Ba hôm sau, một số đội viên – có Đại úy Cảnh sát Phạm Bá Diễm, bạn thân từ Sơn La – lên cơn sốt cấp tính, chỉ

hai ngày là hôn mê, rồi chết. Người sống sót rụng dần lông chân. Phải mất thêm vài mạng nữa, đội mới có lệnh “giải thể.”

Thừa ruộng lại bị bỏ hoang, Nguyễn trở về đội Rau Xanh, như hồi ở Hoàng Liên Sơn, lại vào tổ phân, lần này giao cho thợ bón kiêm chuyên viên tưới là phi công Air Vietnam Nguyễn Hữu Trí, trung tá biệt phái. Nói chuyện mới biết Trí bay đường Hồng Kông và Tokyo, có chuyện với Bội Trân, em gái Nguyễn, mà anh tả đúng hình dáng, nên chàng tin lắm. Chim bằng gãy cánh, Trí tiếc nhớ trời xanh, giờ giải lao ngược nhìn lên cao, uất ức, thở dài.

Tết đầu tiên tại Vĩnh Phú, trại được nghỉ lao động ba ngày, và tự do đi lại các khu vực. Nguyễn tìm đến dãy nhà giam riêng “bò lục” (tiếng lóng chỉ đại tá) để thăm Đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh, vị chỉ huy trưởng kính thương của trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt –nơi mà chàng được phục vụ gần ba năm trong chức vụ Trưởng khoa Nhân Văn Xã Hội và Sĩ quan Phụ khảo cho đến ngày tan hàng. Nguyễn thấy ông cũng vừa bước ra sân, nơi đang diễn nhiều trò vui do tù sáng chế để giết thời gian và nỗi nhớ nhà. Ông nhận ra chàng ngay. Chung quanh rất đông người, và dĩ nhiên ăng-ten được rải đầy. Gặp ông, chàng mừng quá, nói lớn:

- Chào bác, bác vẫn khỏe chứ ạ?

Ông nắm tay chàng một lúc lâu, và chậm rãi nói, giọng xúc động:

- Cám ơn anh, tôi vẫn khỏe. Còn anh thế nào, có bệnh hoạn gì không? Tôi biết anh ở đây lâu rồi, mà không gặp được.

Nguyễn cố nuốt những giọt lệ làm nghẹn cổ họng, xót thương cho phận vàng phai và đá nát. Cho đất nước bất hạnh. Cho cả chính mình. Hồn bỗng rung rung, thầm gọi tên một thời yêu thương và thù hận tưởng đã chết theo cùng với mùa xuân tang tóc và những giấc mơ phai. Một thời vì ông chột hiện về nguyên vẹn. Như mới hôm qua...

Sài Gòn, đầu tháng 5, 1975. Hai ngày sau khi đứng nhìn từ một góc đường Lê Văn Duyệt, uất hận và nước mắt lưng tròng, những chiếc xe tăng chở đầy Cộng quân vào thủ đô, nghe tên nằm vùng Trịnh Công Sơn hớn hờ ca mừng chiến thắng, kêu gọi nổi vòng tay lớn, và chạy tới chạy lui dò la tin tức người thân, bạn bè ai còn ai thoát, tôi tìm được địa chỉ của Đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh và đạp xe đến thăm cùng với hai cựu SVSQ khóa 4, Nguyễn Gia Hưng và Nguyễn Dự, bất ngờ gặp lại trên đường. Phu nhân và cô con gái, vì quen mặt hồi ở Đà Lạt, tiếp tôi không e dè. Đại tá Quỳnh ra phòng khách, áo sơ mi bỏ trong quần tây, chân đi xăng-đan. Trông ông mệt mỏi, có vẻ chán nản, dù bề ngoài vẫn giữ phong cách nho nhã, lịch sự cố hữu. Chúng tôi không nói gì nhiều. Có lẽ trước thảm họa chung ai cũng có nỗi ưu tư riêng, cùng nặng nề như nhau. Suốt ba hôm liền, tôi bị hồi hận dày vò, tự trách đã vụng suy, khí khái hão, không nghe lời cô em tiếp viên đưa gia đình lên chuyến Air Vietnam cuối cùng, khiến tất cả đành phải ở lại, một số dẫu dẫu

nhau trở về Nha Trang để thấy cửa nhà, tài sản rơi vào tay bọn cách mạng 30 –hạng khó rách áo ôm trước kia đã chịu ơn ba mẹ tôi, nay trở mặt, gán lên đầu ông bà đủ thứ tội. Còn Đại tá Quỳnh, tôi không biết ông đang tiếc gì, nghĩ gì, vì suốt buổi chỉ nghe ông lặp đi lặp lại:

- Không thể ngờ nhanh như thế!

Đâu phải một mình ông. Không ai ngờ, kể cả Dương Văn Minh, tên tướng thiếu tài, khờ dại, được sinh ra chỉ để phản bội, và bọn “hàng thần lơ láo” tại dinh Độc Lập trưa ngày 30/4. Kể cả lũ vượn người khoác lác ở Bắc bộ phủ. Kể cả tên đồng minh Kissinger xảo quyệt, tác giả của cái gọi là hiệp định Paris quái gở bán đứng miền Nam, người được báo chí Mỹ bơm lên như nhà ngoại giao vĩ đại, nhưng thực chất chỉ là một tên trí thức cơ hội chủ nghĩa và đầy ảo tưởng, chưa tiêu hóa kịp những bài học bang giao quốc tế ở trường Harvard. Kể cả anh tướng hai sao và ba hoa nọ đã thề thốt ở lại để ăn mắm tôm cà pháo với đồng bào, vậy mà vào phút chót nhờ có trục thăng riêng mới vọt ra được hạm đội Mỹ. Không thể ngờ nhanh như thế! Tôi chỉ biết gật đầu, đồng ý với ông. Cuối cùng, tôi cất tiếng hỏi:

- Đại tá có ý định sẽ làm gì?

Ông lưỡng lự vài giây, rồi trả lời:

- Tôi chưa biết sẽ phải làm gì. Nhưng ở hoàn cảnh nào tôi cũng chấp nhận những gì tệ hại nhất sẽ xảy đến cho tôi.

Như là mặt trái của bốn phận và vinh quang, tôi hiểu như thế qua những lời chậm rãi, đần đo của ông. Những lời tôi nghe quen từ đâu rồi bỗng mang một ý nghĩa cao đẹp, phi thường trong bối cảnh bấy giờ. Những lời đã theo tôi suốt tám năm đầy ải, và cùng với hình ảnh của Guillaumet, viên phi công lâm nạn lằm lũi bước lê trên cát sa mạc, không chịu ngồi chờ chết, trong “Terre des hommes” của Saint-Exupéry học lúc trẻ, đã khích lệ, vực tôi đứng dậy để tiếp tục sống còn. Tôi cảm động, và khi từ biệt, siết chặt tay ông, khẽ nói:

- Có một điều Đại tá nên chắc chắn là dù ngày mai ra sao tôi sẽ không bao giờ quên Đại tá và những gì Đại tá đã làm cho tất cả chúng tôi.

Và cho riêng tôi. Ông là một chỉ huy trưởng nhân hậu, có đức có tài, hơn ai hết, đã làm tôi thấy yêu thích và kiêu hãnh với đời quân ngũ bất đắc dĩ. Một chỉ huy trưởng quả cảm và xứng đáng, có tinh thần trách nhiệm cao độ –quyết ở lại với thuộc cấp cho đến phút cuối, mặc dù ông có một người con rể là đại tá không quân Mỹ và đủ phương tiện để tẩu thoát một mình như đám tướng tá tham sinh úy tử kia đã tranh nhau đào ngũ trước khi tai họa giáng xuống. Quả vậy, chín giờ sáng 30/4, tại Tiểu đoàn 50 CTCT, đường Phan Đình Phùng, bấy giờ là bộ chỉ huy tiền phương của trường Đại học CTCT, ông vẫn chỉ

thị các sĩ quan hiện diện và sinh viên sĩ quan các khóa tiếp tục chiến đấu và phòng thủ, để rồi, cuối cùng, phải buông súng, bất lực trước mệnh nước. Tôi không bao giờ quên được khẩu lệnh cuối cùng, ngắn ngủi, thật buồn bã của ông cho ban tham mưu, sau khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng:

- Phát hết lương khô và cho anh em tan hàng!

... Thế rồi, mỗi người chia một nẻo. Ông cũng đi trình diện “cải tạo” ở một nơi nào đó. Tôi bị tống vào Long Giao để gặp lại gần toàn bộ sĩ quan Đại Học CTCT, trong số có người bạn thân, Đại úy Đỗ Huy Hoàng, chủ bút tờ Úc Trai của trường. Những chiều lao động về rảnh rỗi, tôi mò sang đội của Hoàng, hoặc Hoàng sang tôi, để tâm sự vụn cho bớt nhớ nhà. Nhất là bớt tức. Có cái gì uẩn ức, hằn học nằm trong tiềm thức của mỗi tên tù. Đau xót và căm giận còn hơn bị tình phụ. Nhưng không biết tức ai. Lãnh đạo hèn nhất đã cao bay xa chạy. Thù hận Cộng sản thì chẳng ai dám hé môi nói với ai. Cuối cùng, chỉ có Thượng Đế nghe đủ những lời ta thán, chửi thề vu vơ. Trong câu chuyện, chúng tôi điếm mặt từng người quen, và khi biết toàn trường vào tù, cả hai cùng thở dài, ngán ngẩm. Tôi còn gượng chọc Hoàng:

- Úc Trai hay Úc Gái gì rồi cũng chui vô rọ hết!

Tại Long Giao, lúc ấy, tôi ở cùng đội, cùng tổ với Đặng Phùng Hậu, bác sĩ trưởng bệnh xá trường Đại Học CTCT, và một nhóm quân y. Cả tổ, vì tự ái, tự trọng, không ai than vãn về chuyện ăn uống, đói khát trong tù, kể cả sau này khi viết hồi ký. Hậu vui tính, kể đủ chuyện, nhờ vậy những ngày ảm đạm, bức bối qua khá nhanh. Mỗi tối, Hậu thì thâm nói chuyện với tôi về thời cuộc, và lần nào anh cũng lảm bảm kết thúc bằng câu:

- Địt cụ, đau như hoạn, tức như bò đá!

Bên dãy cấp tá có Lê Ân, thiếu tá văn hóa vụ trường của trường. Những lần thấy nhau qua hàng rào kẽm gai, ông lộ vẻ mừng rỡ, rồi lắc đầu nói, giọng Quảng lai Huế rất “trademark” của ông:

- Cháng gướm (chán gớm)!

Trong câu chuyện, anh em thường hỏi về Đại tá Chỉ huy trưởng. Không ai biết chính xác ông ở đâu. Có tin ông đã chết. Hoặc đang ở ngoại quốc. Hoặc trốn trong một khu rừng. Nhiều đêm trần trọc, tôi khổ tâm vì dĩ vãng, cứ ám ảnh mãi, như cuốn phim quay lại, tự động, chậm chạp, lê thê. Nhớ không sót từng khuôn mặt, từng buổi giảng dạy, từng dịp lễ. Nhớ từng đêm Giáng sinh giá buốt và tiếng chuông nhà thờ ngân nga, từng buổi dạ vũ tung bừng, mệт nhoài, từng con phố chìm trong sương mờ che khuất đường về...

Bây giờ Đại tá Quỳnh đứng đó, bên Nguyễn, giữa một ngày xuân héo hon. Người gầy nhom, gương mặt hốc hác, má trũng sâu. Nhìn lại hình hài mình, chàng thấy đâu hơn gì.

Chỉ một thoáng mơ, bỗng hiện về trong đáy hồn rời rã cả khung trời yêu thương Đà Lạt và kỷ niệm rục rĩ của tháng ngày cũ có hạnh phúc còn thơm hương mimosa, có tình yêu chưa biết nói lời phản trắc, có một Đại tá Quỳnh uy nghi trong quân phục đại lễ gắn cấp hiệu cho sinh viên các khóa, nay còn đâu! Mới có bốn năm vật đổi sao dời mà cả hai đã trở thành thảm hại đến thế ư? Ông mặc bộ treillis bạc màu, chân đi dép râu, sau lưng viết chữ Quỳnh thật to bằng mực tím. Thấy không ai để ý Nguyễn bèn hỏi rất khẽ:

- Đại tá nghĩ sẽ có ngày về không?

Ông lấy tay che một bên tai, có vẻ chú ý lắm mới nghe lọt hết. Và trả lời nhanh, chắc ngại bọn ăng-ten cứ lượn qua lượn lại trước mặt:

- Tôi nghĩ là rất khó lòng, mặc dù vẫn cố hy vọng. Điều quan trọng là anh gắng giữ gìn sức khỏe tốt để có sức chịu đựng. Gặp anh em khác cho tôi gửi lời thăm!

Một thằng sà tới. Nguyễn vội nói lớn:

- Bác được thư gia đình thường chứ?

Đại tá Quỳnh chưa kịp đáp thì hắn đã gay gắt bảo Nguyễn, giọng trộ trệ:

- Tôi lưu ý anh, không được quan hệ với các anh đại tá.

Chàng phản pháo liền:

- Nhưng anh là ai? Hôm nay ngày Tết được miễn!

Thằng nọ mặt hầm hầm, lớn tiếng:

- Tôi ở trong ban Trật Tự. Đề nghị (tiếng Việt cộng có nghĩa “yêu cầu”) anh chấm dứt quan hệ linh tinh.

Chàng quay sang Đại tá Quỳnh:

-Thôi xin từ giã bác, chúc bác mạnh khỏe, bình an trong năm mới.

Rồi nhìn thẳng mặt thằng Trật Tự, giận dữ bỏ đi. Nguyễn gặp Đại tá Quỳnh được một tháng thì hai đội bò lục –đội trưởng là Lê Đình Luân và Dương Hiếu Nghĩa– chuyển xuống K5, cách đó độ sáu cây số, cùng với các linh mục tuyên úy mà bọn Công an đặc biệt căm thù.

Rồi một hôm, mẹ tôi lặn lội đến thăm, có Bội Trân hộ tống. Lần đầu được phép, sau năm năm chờ đợi. Mất ba ngày đường trên hai chuyến xe lửa từ Nha Trang ra Hà Nội, từ Hà

Nội lên Âm Thượng. Qua sông Hồng bằng phà máy, tới K1 bằng xe trâu. Tại nhà tiếp tân, lúc đó khá đông người, ba mẹ con ôm nhau khóc, rồi nói cười, mừng mừng tủi tủi, trước những cặp mắt cú vọ của lũ vệ binh và quân giáo. Mẹ thút thít, xoa nắn hai cánh tay và ngực tôi, như lúc nhỏ tôi từ Sài Gòn về quê Nha Trang nghỉ hè, chê con gầy quá, tội con quá! Mẹ bạc gần nửa mái đầu, da sạm nắng, tay nổi gân xanh. Suốt năm, Bội Trân nói, mẹ đi thăm nuôi “mệt nghỉ” rồi lo tìm đường cho con vượt biên, làm sao mà không già yếu cho được. Ba ông con trai lớn và một chàng rể tương lai đi cải tạo bốn nơi khác nhau, cô con gái út bị bắt ngay trên ghe nhỏ, giam tại A30. Chưa đứa nào thoát được, mẹ tiếp lời, trừ Thẻ Trân ra riêng, vì cả nhà bị chúng nó theo dõi sát nút.

Bội Trân đẹp như trước kia, nổi bật giữa phòng tiếp, dù thôi trang điểm. Nhưng tóc cài hờ hững, mắt buồn vời vợi, mắt hết vẻ hồn nhiên, tính nghịch cố hữu, khiến tôi ngậm ngùi tưởng đến những mỹ nhân tự thủa xưa hương sắc không phai giữa gió đời vùi dập, kiêu sa trước nghịch cảnh, như các nhân vật nữ trong những vở kịch cổ Hy Lạp. Em kể, và mẹ lắng nghe, thỉnh thoảng gật gật đầu, phụ họa:

- Nhà mình tịch thu được chúng nó trả một nửa, nửa kia làm trụ sở thanh niên phường. Ba làm rẫy, mẹ lén nấu rượu chuối cho ba uống thay Martel. Em phụ bán nước mía với em Huyền Trân. Chị Thẻ Trân đến được Mã Lai với chồng con. Chị vẫn nhắc chuyện anh cho cậu em chồng hai quả trứng vịt lộn trong kỳ thi ở trường Chiến Tranh Chính Trị và ông Đại tá chỉ huy trưởng hiền từ của anh. Chị nói anh ngang tàng, đôi lúc chị tức anh lắm, nhưng vẫn thương anh, hơn bất cứ ai, bởi anh là mẫu người của đàn ông, có chết cũng không than van, cầu khẩn, lúc nào cũng hào hùng, kiêu hãnh, giống như con chó sói bị thương trong bài “La mort du loup” của Vigny mình học năm nào đó... Anh nhớ không, hồi nhỏ, một lần anh đánh lộn với mấy thằng lỏi xóm chuyên chặn đường chọc ghẹo tụi em, bị chảy máu mũi, mắt sưng vù, mà anh vẫn cắn răng chịu đau, không khóc, lại còn bị ba mắng cho nữa...

Tôi lắc đầu, cười buồn. Ôi, xa rồi kỷ niệm, nhắc làm chi hồi em? Và đôi đề tài:

- Kha bây giờ ra sao? Có khoẻ không em?

Kha là hôn phu của Bội Trân, phi công A37, dưới tôi hai lớp tại Jean-Jacques Rousseau. Sắp cưới thì mất nước. Vì Bội Trân ở lại, Kha cũng không đi.

Nghe tôi hỏi, Bội Trân chớp mắt, buồn rầu nhìn ra sân. Bầu trời thấp, đục, giăng mây xám, như sắp đổ mưa. Gió rừng tuôn qua vách nửa ngập gian nhà trống trải, không cửa, lạnh từng cơn. Em thì thào:

- Mẹ và em đã ghé thăm Kha ở Hà Nam Ninh trên đường lên anh đây. Cũng tàn úa, như anh, như mọi người, sức khỏe giảm sút nhiều... Em sẽ chờ anh ấy, bao lâu cũng được.

Tôi quay sang mẹ, bùi ngùi nói:

- Tất cả đều do lỗi của con. Phải chi ngày đó con biết nghe lời em đưa gia đình...

Mẹ ngắt lời:

- Cả nước đều lầm, đâu phải riêng con. Chuyện cũ, thôi đừng nghĩ đến nữa.

Bội Trân tiếp:

- Nhưng có thể này em mới được về “phục viên” ở hẳn với ba mẹ chứ! Em vẫn thương anh và hãnh diện vì anh.

Mẹ và em nói đủ thứ chuyện, nhưng không đề cập đến một tin tôi chờ mà ngại không dám hỏi. Đường như hiểu ý, lúc mẹ quay qua tiếp một bà đồng hành ngồi cùng bàn, Bội Trân nắm bàn tay tôi, siết chặt, và khẽ nói:

- Lệ Ngà đã lấy chồng. Hai năm sau khi anh ra đi. Em đâu ngờ!

Tự dưng tôi buột miệng, không chút mĩa mai:

- Hai năm là còn khá thủy chung đấy chứ em!

Tôi tưởng sẽ phải đứng tim, ngắt xiu. Nhưng lạ quá, chỉ thấy buột nhói một chút như kim châm. Có lẽ vì đã chuẩn bị đón nhận sự thật quá lâu, từ năm năm rồi. Một thiên thu. Chợt nhớ một anh bạn Thiết giáp vừa vào Long Giao mấy tháng đã nhận được thư vợ xin anh cho phép “bước thêm một bước nữa” và ký vào tờ đơn ly dị và giấy nhường tài sản kèm theo, và cả đời tôi không quên được giọng cười khinh bạc của anh sau khi viết trả lời: “Nhất trí. Cho cô hết. Nhưng khuyên cô không nên bước, mà nên chạy cho nó nhanh.” Tôi không được như anh ta. Bởi vô vãn kỷ niệm ngắt hương ngày mới yêu ủa về, thay nhau vỡ như bong bóng. Lệ Ngà. Bạn học thân thiết của Bội Trân. Tà áo thiên thanh và dòng tóc buông lơ trong nắng sớm phi trường Liên Khương, những lần em bay lên gặp anh. Lệ Ngà. Những chiều đi dưới mưa lất phất qua những đồi thông, em hát nho nhỏ bài “Le jour où la pluie viendra... Ngày mà mưa đến, sẽ có bao nhiêu là giọt kim cương cho tình ta...” Những ly rượu Bordeaux sóng sánh ngọt lịm môi em trong quán L’eau Vive và bản “Appassionata” trên phím dương cầm thánh thót như từng giọt lệ rơi, thiết tha như lời tuyệt vọng gọi người tình về. Những vòng tay cuống quýt tìm nhau trong hoàng hôn tím trên đồi Cù. Những lời thề nguyện yêu đương cho đến lúc đầu bạc răng long. Lệ Ngà. Hạnh phúc dối gian và ảo vọng phù du. Tôi nhắm mắt giây lâu, nghe vị đắng và cơn giận thấm dần xương tủy. Và thở dài nhẹ nhẹ, nhìn Bội Trân không nói. Đâu phải tình cờ em nhắc đến con chó sói bị thương, cùng đường, của Vigny.

Em tiếp, giọng buồn rưng rưng:

- Không hiểu sao Ngà biết em sắp đi thăm anh. Đến gặp em, lần đầu tiên sau mấy năm biệt tích. Em không nở cười. Khóc suốt buổi, nhưng không nói một lời gì về anh. Khi chia tay, chị ta nhờ em trao anh những phong chocolat Meunier mà chị ta nói ngày xưa anh rất thích, và cho em một số tiền làm lộ phí, nhưng dĩ nhiên em không nhận gì hết... Em biết tính anh quá mà!

Tôi nói cảm ơn em. Rồi cả hai im lặng, đuổi theo ý nghĩ riêng...

Hai giờ trôi qua mau. Tên cán bộ vén tay áo xem đồng hồ, bảo tất cả chuẩn bị ra về, vác quà vào trại. Khi ôm hôn tôi từ biệt, lợi dụng tiếng ồn ào, Bội Trân nói một hơi, thật nhanh, qua màn lệ, bằng tiếng Pháp:

- Ba dặn anh đừng tin bọn Cộng sản, đừng khai thật, khai sao lặp lại y như vậy, đừng tin các phong trào phục quốc, tất cả đều là cạm bẫy của Việt cộng. Em nghe đài VOA và BBC nói các nghị sĩ, dân biểu Mỹ, và cả thế giới đang quan tâm đến số phận của các anh. Đừng tuyệt vọng nghe anh. Nhớ đọc kinh, cầu nguyện nhiều xin Chúa và Đức Mẹ che chở. Cả nhà chờ anh đó. Em thương anh. Em thương anh.

Mẹ và em về hơn hai tháng, Nguyễn được chỉ định vào đội Xây Dựng, có nhiệm vụ cất nhà ở cho tù, heo, và cán bộ, và bắc cầu qua suối cho dân. Lúc đầu chàng phụ tá cho Lưu Ninh, Thiếu tá Bộ Binh, trong tổ vừa (trộn hồ), và sau khi Ninh qua “khâu” lợp chàng được thăng chức tổ trưởng, và tổ phó là Đào Văn Bảnh, Trung tá Bộ Tổng Tham Mưu. Bảnh tính tình điềm đạm, cởi mở, sau trở thành một trong những bạn tù thân thiết nhất. Không có tổ viên. Suốt ngày hai tên hì hục trộn hàng đồng vừa lớn, nhỏ, để sẵn, chờ một toán đem xe cải tiến, do ông nhà báo Việt Tấn Xã Đinh Phụng Tiến chỉ huy, đến xúc giao cho các thợ xây. Trong đội, nằm cạnh chàng, có Đại đức Nguyễn Long, quê Quảng Ngãi, lo nấu nước, làm tạp dịch. Ông hiền lành, thật thà, ưa giúp đỡ mọi người. Nhiều đêm, vài anh nổi hứng, oang oang kể chuyện đàn bà con gái, chơi bời trước kia. Ông cũng bị nghe, và lần nào cũng lầm rầm bên tai Nguyễn:

- Mô Phật! Chơi chi mà chơi dữ rứa hè!

Bữa nọ, một bà già khu gia binh cho đội một con chó con vừa chết. Một anh góc Hố Nai xung phong trở tài nấu rựa mặn với muối, rau muống, và củ riềng –mọc đầy bên vệ đường. Mỗi người được chia hai miếng bằng ngón chân cái. Ai cũng “hồ hởi” ăn, trừ Đại đức Long. Ông đi tìm Nguyễn, cho phần của ông, mặc dù quanh năm ai cũng thiếu chất thịt và ông chưa được thăm nuôi. Ông nói:

- Tôi còn tu. Anh ăn giùm cho!

Một hôm, đội được điều động làm công tác “đột xuất” (bất ngờ) là ra “nghĩa địa”, tức một bãi đất trống sát chân núi, làm cỏ và cắm mộ bia cho các anh em đã nằm xuống. Nguyễn đếm gần hai trăm mộ –kỳ thực chỉ là những nắm đất vùi sơ với mảnh gỗ nhỏ ghi

vội tên người chết. Trong số có vài ông tỉnh trưởng, trung đoàn trưởng. Có Trung tá Nguyễn Văn Năm, thuộc trường Đại học CTCT, người hiền như Bụt, nổi tiếng về khoa bói toán, bảm độn, và một người quen biết từ trại Sơn La, Trung tá Đặng Bình Minh – cả hai trúng nắng cùng một lúc ngoài hiện trường lao động, được chở về trại cùng trong một chiếc xe trâu, hôn mê và qua đời cùng một giờ. Anh em kể, vợ phi công Minh, một dược sĩ trẻ đẹp, mới thăm anh vài ngày trước, từ Hà Nội trở lại thăm tiếp khi anh vừa mất, được dẫn ra nghĩa địa, khóc như mưa, rồi cắt tóc để lại trên mộ cùng với một bài thơ. Nguyễn vừa giầy cỏ vừa thăm khẩn các anh phù hộ cho tất cả tai qua nạn khỏi và mau về sum họp với gia đình. Và thắc mắc không hiểu sao bữa nay bọn cai tù lại tử tế như vậy. Thì ra, về sau mới biết, có một phái đoàn cao cấp đến thăm trại.

Cuối năm 1980, cả đội của Nguyễn được điều động đến K5 xây hội trường và khu gia binh cho công an. Tại đây, Nguyễn rất mừng được thấy lại Đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh, mỗi buổi sáng tập hợp. Kỳ này, trông ông đỡ tiêu tụy. Tết 1981, mẹ chàng và Bội Trân ra Vĩnh Phú lần thứ hai, với Huyền Trân, cô em út xinh đẹp vừa tròn mười tám. Chàng soạn một ít bánh mì khô, đường và mì gói, mấy viên thuốc cảm, bỏ vào một bọc ni-lông, chờ buổi chiều các đội đi tắm suối chung lên đến phía các “bò lục”, gặp Đại tá Quỳnh trao cho ông, nói:

- Tôi mới được thăm, xin biểu Đại tá.

Hai tháng sau, đến lượt ông được thăm, và một buổi sáng Nguyễn đang đánh võa thì đội của ông đi ngang. Ông gạt đầu ra dấu cho chàng đến sát hàng rào kẽm gai và dúi vào tay một gói lương khô đủ loại. Thằng vệ binh thấy được, chạy tới khám. Không có thư từ, mật hiệu, nó trả lại, mồm càu nhàu:

- Quà với cấp linh tinh!

Lúc này, tổ vừa làm việc gàn bếp và giếng nước cơ quan. Một hôm, một trung sĩ công an còn trẻ, lạ hoắc, lén vệ binh, đến gàn, run run hỏi nhỏ:

- Các anh có B6, cho tôi xin một ít. Nhà tôi mới sinh bị phù (thũng) nặng.

Việc xảy ra đột ngột, Nguyễn và Bảnh đưa mắt nhìn nhau, không đáp, sợ bị gài bẫy. Anh ta vội tiếp:

- Nói thật đấy mà! Không tin, các anh cứ vào đây xem.

Suy nghĩ một hồi, Nguyễn đánh liều đi theo anh ta, còn Bảnh ở lại canh chừng đồng võa và tên vệ binh. Vào nhà, thấy chị vợ da mét xanh, mặt mày, tay chân sưng húp, nằm bên đũa con đỏ hỏn, bé như con chuột. Chị ta nói thuốc bệnh xá cấp thiếu, và không có thức ăn bổ dưỡng.

Hai anh chàng phân vân mãi. Đối tượng giúp đỡ phải là bạn tù chứ, của đâu mà lo cho Công an! Nhưng hầu hết anh em đều đã được thăm nuôi, hoặc nếu chưa, đã được Bảnh, Nguyễn và bạn bè chia sẻ phần nào rồi. Cuối cùng, động lòng trắc ẩn, cả hai góp lại được chừng bốn mươi viên B6 để dành từ các lần tiếp tế, đã quá hạn, nhưng không còn gì hơn, và một hộp sữa đặc cho đứa bé, đem giấu dưới một gốc cây, làm hiệu cho anh ta đến lấy. Hai tuần sau, một buổi trưa, chị vợ đang nấu bếp cơ quan thấy hai chàng thợ vừa đến, vội tiến ra, nhìn trước nhìn sau, bảo:

- Cảm ơn hai anh, hôm nay em đã đỡ nhiều. Có xuất cơm trắng và miếng thịt trâu bồi dưỡng em mang cho hai anh ở gốc cây kia. Nhớ xem chừng cán bộ bảo vệ, kẻo em bị kiểm điểm...

Rời từ đội Xây Dựng, Nguyễn được Linh mục Trần Thanh Cao, giỏi nhạc, đẹp trai, vui tính, có quen biết ngoài đời, bốc về đội văn nghệ mới thành lập do ông làm đội trưởng, để tỵ nạn lao động vài tháng, mặc dù chàng dốt đặc về ca nhạc kịch. Nhân tài, cũng cỡ chàng, biệt phái từ các đội. Có ba anh giả ba sơn nữ Phà Ca mang gùi, đeo vòng, lắc lư múa theo bài Tiếng chày trên sóc Bom Bo, trông xa, và vì vắng đàn bà lâu ngày, thấy cũng hấp dẫn không thua Thanh Nga. Có tổ cải lương với đầy đủ vai hề, đào thương, kép độc. Đội được lệnh trình diễn giúp vui một phái đoàn thanh tra trung ương. Cha Cao cho Nguyễn vào ban hợp xướng, bè alto ngang phè phè. Ông khuyến khích các ca viên:

- Ăn sắn và hút thuốc Lào mà hát như vậy là được rồi!

Một hôm, trại phó đến thăm. Ban hát đang tập một bài có nhắc tên Hồ Chí Minh và hang Pắc Pó, hay ao sen, ao cá gì đó, do cha Cao đặt hòa âm thành bốn bè, mỗi bè tập riêng. Hấn chăm chú nghe, vui vẻ, rồi bỗng nhăn mặt, gọi cha Cao lại, giận dữ quát:

- Anh bôi bác Cách mạng đấy phỏng? Tên Bác kính yêu như thế mà... mà anh dám đổi nà Hô, Hó, Hộ, Hồ như thế thì... thì nà anh nếu náo thật!

Cha phân trần, nhưng hấn gạt đi:

- Bỏ, bỏ tất! Bè với không bè!

Lần khác, hấn đến xem tập kịch. Hấn lại nhăn mặt, lại gọi cha Cao, chỉ tay về phía ông trung tá nhà văn trọng tuổi, bút danh Ký giả Lô Răng, đóng vai một cán bộ huyện. Nguyễn đứng gần cha Cao, nghe hấn bảo:

- Thay anh kia cho tôi! Cán bộ cách mạng chúng tôi không bao giờ đi chân thọt! Anh có ý đồ phải không?

Cha Cao ngăn người ra, cứng họng. Bấy giờ, Nguyễn mới nhìn kỹ ông kịch sĩ xui xẻo. Quả thật, chân bước của ông hơi khập khiễng.

Văn nghệ xong, đội giải tán trong sự tiếc nuối của các nghệ sĩ bất đắc dĩ. Cha Cao đi trông mía. Nguyễn bị hoàn trả về đội xây, đánh vữa trở lại với Đào Văn Bảnh.

Bất ngờ, lại bị “biên chế” nữa. Các sĩ quan cấp tá và tuyên úy một sáng sớm phải lên đường di chuyển về một nơi nào không rõ. Nguyễn ngồi trong hàng nhìn theo bóng Đại tá Quỳnh và bạn bè, có cả Đại đức Long và cha Cao, lầm lũi bước lên xe, mang theo những túi tư trang gọn nhẹ, như chính cuộc đời trống vắng, buồn tênh của đám tù nhân. Lần đó, chàng nghĩ khó còn gặp lại nhau, và tự dung lòng nao nao như mất người thân thuộc.

Năm sau, đội Xây Dựng được trở về K1. Mỗi tối, khi cửa buồng giam đóng lại, từng nhóm tụm năm tụm ba nhỏ to nói chuyện, đánh cờ, uống nước trà, hoặc bàn luận thời cuộc từ những tin tức hiếm hoi, thường phóng đại, do các bà thăm nuôi cung cấp. Thời gian này, Nguyễn được nhóm thân hữu đặt biệt danh “bình luận gia tin tức quốc tế”. Một cách thành thật, tự tin, chàng phân tích theo chiều hướng có lợi, hợp với ước vọng của mọi người, trong khi thực tế có lẽ khác xa. Bọn cán bộ hình như về sau cũng muốn thả lỏng, miễn đừng ai phá phách, trốn trại, trốn lao động, hoặc công khai “phản động”. Những giàn ãng-ten bị búng hết, và anh em có thể phát biểu vung vít, thoải mái, trong nội bộ từng nhóm. Bảy năm rồi còn gì! Đau khổ đã thành thói quen. Nhớ vợ thương con cũng đã chìm sâu vào tận cuối hồn. Không còn những anh đêm khuya khóc rưng rức trong chăn của thời gian đầu xa gia đình êm ấm. Trái tim hóa thành đá hết rồi. Giờ đây, phản kháng, dưới hình thức nào đó, bùng lên từ sự chịu đựng câm nín dồn ép qua nhiều năm. Có người khai bệnh nghi lao động dài dài. Hoặc giả khùng chửi xéo chế độ. Hoặc còn đập cả vệ binh hỗn láo để rồi, dĩ nhiên, bị biệt giam và hành hạ dã man. Nguyễn bắt đầu để râu, làm tên quản giáo Vinh – nói ngọng, chữ tr thành t, chữ l thành n – rất ngứa mắt, bắt kiểm điểm, nên thấy hấn từ xa chàng lánh mặt.

Trong buồng giam có một anh chuyên “chiếu phim”, tức kể chuyện, thật hay và duyên dáng. Tối đến, tù nhân bu quanh, thay nhau rót trà, mời kẹo, đấm lưng cho anh ta, để được nghe kể đủ thứ chuyện, từ Cô gái Đồ Long đến La valse dans l’ombre qua Thần điêu đại hiệp. Một anh nữa, Trung úy Phạm Hữu Lý, xuất thân trường Đại học CTCT, hát nhạc vàng rất mùi. Suốt một đêm giao thừa, Lý ca một hơi hơn một chục bản tình lâm ly, như Chiều mưa biên giới anh đi về đâu hoặc Xuân này nếu con không về, chắc mẹ buồn lắm, làm ai nấy mắt cay sè, muốn khóc. Bọn vệ binh gác cửa, đa số là thanh niên mới lớn, nghệt cổ ra nghe, thậm chí còn bảo “anh nào đó hát nại” vài câu...

Đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh và hầu hết các nhân vật trong “truyện” này kể trước người sau đã đến bến bờ tự do. Từ Rose City, thỉnh thoảng tôi gọi ông hay viết thư thăm hỏi. Đại úy Hoàng Bá Linh, Thiếu tá Lê Ân, Trung tá Đào Văn Bảnh đã mất sau khi ra khỏi tù, trong những hoàn cảnh khác nhau. Phi công Nguyễn Hữu Trí không rõ trôi dạt phương nào, cũng như cha Trần Thanh Cao và thầy Nguyễn Long.

Mẹ tôi, đã ngoài tám mươi, vẫn còn nơi quê nhà, ở với Huyền Trân và chồng con. Ba tôi mất, không được gặp mặt. Những người em “cải tạo” về, lần lượt định cư tại các nước, trừ Kha chết trong tù. Bội Trân ở vậy, không yêu ai nữa, đúng theo lời thề hứa, trước khi trở thành một nữ tu dòng kín, giữa tuổi thanh xuân, làm nhiều con tim tan nát. Lệ Ngà yên ngủ giấc ngàn thu, sau một cơn bạo bệnh, trả hết cho dương gian những si mê và tình yêu mật đắng. Còn tôi, sau bao năm vật vã để vá lại mảnh đời rách mướp, đã bắt tay được với hạnh phúc –nhỏ nhoi so với nỗi đau ngút ngàn phải trải qua. Nhưng hồn vẫn chơi vui theo kỷ niệm chỉ chực òa vỡ mỗi lần ở đâu đây tiếng mẹ và em từ bên trời cũ, hoặc Đại tá Quỳnh từ Florida, vang lên.

Nữ tu Marie-Amélie Bội Trân nhắc Nguyễn nên tha thứ, tha thứ, tha thứ, và nói tất cả chỉ là thử thách Chúa đã gửi đến. Nhưng đối với bạo quyền Việt cộng, chàng nói, làm sao tha thứ cho được? Đó là một bọn người gian manh, độc tài, chuyên chế, đã dìm cả đất nước vào cảnh lầm than, đói khổ, qua ba mươi năm, và bây giờ lại còn đốn mạt dân đất, dâng biển cho quan thầy Trung cộng, mới họa muôn đời của dân tộc. Hận thù, Nguyễn sẽ không bao giờ quên, mặc ai phỉnh gạt, kêu gào hòa giải hòa hợp. Vì chàng vẫn tin –theo như lời viên đại tướng tổng tài La Mã nói với Ben-Hur lúc còn là một tù nhân chèo thuyền (galérien) trong phim cùng tên, Ben-Hur– rằng hận thù cho sức mạnh, làm ta sống còn.

Kim Thanh

Portland, cho Mùa Quốc Hận 2013

Viết lần đầu năm 2005, một năm trước ngày mẹ mất (tại Nha Trang, 7/2006)

Nguồn: Internet E-mail by Vũ Văn Chương chuyển

*Đăng ngày Thứ Sáu, April 4, 2014
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQT/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, SĐND, QL-VNCH*